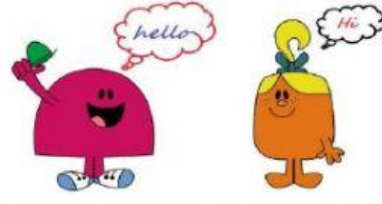
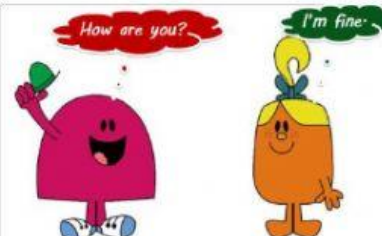


REVIEW UNIT 1 -2

I. Listen and repeat (Nghe và lặp lại)

	Hello	Xin chào	
	Hi		
	Goodbye	Tạm biệt	
	Bye		
	Thank you	Cảm ơn	
	Thanks		
	Nice to meet you	Rất vui được gặp bạn	
	How are you?	Bạn có khỏe không?	
	I'm fine, thank you. = Fine, thanks.	Tôi khỏe, cảm ơn.	
	What's your name? = What is your name?	Tên của bạn là gì?	
	My name is _____. = My name's _____.	Tên của tôi là _____.	
	How do you spell your name?	Tên của bạn đánh vần như thế nào?	

II. Do exercises.

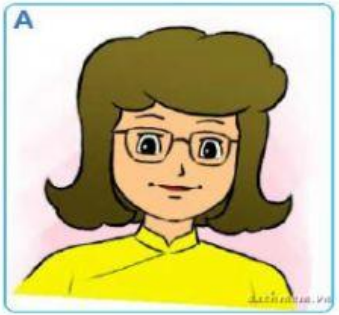
A. Read and match. (Đọc và nối)

1. A: How do you spell your name? B: P-E-T-E-R.	
2. A: How are you, Nam? B: I'm fine, thank you. And you? A: Fine, thanks.	
3. A: Goodbye, class. B: Goodbye, Miss Hien.	
4. A: What's your name? B: My name's Mai.	
5. Hello. I'm Nam. Nice to meet you.	

B. Read and reorder the words. (Đọc và sắp xếp các từ sau thành câu đúng)

1. Nice/ meet/ you./ to	=>
2. thanks/ fine, / I'm/.	=>
3. are/ How/ you/ ?	=>
4. do/ spell/ name/ you/ How/ your/ ?	=>
5. your/ What/ is / name / ?	=>
6. is/ Conan/ My/ name/ .	=>

C. Listen and choose the correct pictures. (Nghe và chọn tranh đúng)

1. 			
2. 			
3. 			
4. 			

D. Read and complete. (Đọc và hoàn thành đoạn hội thoại với những từ gợi ý sau)

spell

What

My

How

T-R-U-N-G

name's

meet

Trung: Hi, (1) name is Trung. (2) is your name?

Linda: Hello, Trung. My (3) Linda. (4) do you spell your name?

Trung: (5) How do you (6) your name?

Linda : L-I-N-D-A. Nice to (7) You, Trung.

Trung: Nice too meet you too.

